

Bản án số: 08/2025/HNGĐ-ST
Ngày 20/01/2025.
Tranh chấp về ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU ĐỨC, TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thị Huyền.

Các hội thẩm nhân dân:

- Ông Đinh Văn Tân.
- Ông Lê Ngọc Phi.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Thủy - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Đức, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Đức, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu tham gia phiên tòa: Bà Trịnh Thị Phương Thảo, Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 01 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Đức, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 447/2024/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 11 năm 2024 về việc “Tranh chấp về ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 105/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 12 năm 2024; Quyết định hoãn phiên tòa số 01/2025/QĐST-HNGĐ ngày 03/01/2025 giữa:

1. **Nguyên đơn:** Ông Nguyễn Tấn B, sinh năm 1974. Địa chỉ: Tổ D, thôn T, xã B, huyện C, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (vắng mặt, có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt).

2. **Bị đơn:** Bà Phùng Thị Bé B1, sinh năm 1978. Địa chỉ: Tổ D, thôn T, xã B, huyện C, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (vắng mặt lần thứ hai).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, quá trình tố tụng và tại phiên tòa, nguyên đơn - ông Nguyễn Tấn B trình bày:

Năm 2001, ông Nguyễn Tấn B và bà Phùng Thị Bé B1 tự nguyện chung sống, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, thành phố M, tỉnh Tiền Giang. Vợ chồng chung sống tại xã B, huyện C, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. Cuộc sống vợ chồng hạnh phúc đến khoảng năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn do bà Bé B1 đi

làm nhiều khi đêm không về nhà, không quan tâm đến gia đình dẫn đến vợ chồng bất đồng quan điểm, không tôn trọng lẫn nhau, thường xuyên cãi vã, sống chung nhưng không ai quan tâm đến ai. Đến tháng 4/2024, vợ chồng sống ly thân cho đến nay. Nhận thấy, tình cảm vợ chồng không còn nên ông Nguyễn Tấn B yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với bà Phùng Thị Bé B1. Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Nguyễn Nhật L, sinh năm 2002 và Nguyễn Thúy Q, sinh năm 2005, đều đã thành niên nên ông B không yêu cầu giải quyết. Về tài sản chung, nợ chung: Ông B không yêu cầu giải quyết.

Ý kiến bị đơn - bà Phùng Thị Bé B1:

Quá trình tố tụng, Tòa án nhiều lần triệu tập bị đơn - bà Phùng Thị Bé B1 nhưng bà B2 Ba vắng mặt, không gửi văn bản ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Tấn B. Tại phiên tòa, bà Bé B1 vắng mặt, không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Đức, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu phát biểu ý kiến:

Về pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự và các văn bản pháp luật có liên quan; nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ theo quy định tại các Điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn đã được Tòa án triệu tập nhiều lần nhưng vắng mặt, vi phạm quy định tại Điều 70 và 72 Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, nguyên đơn vắng mặt, có yêu cầu giải quyết vắng mặt; bị đơn được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt nên Tòa án xét xử vụ án vắng mặt các đương sự là phù hợp quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cụ thể: Về quan hệ hôn nhân: Ông B được ly hôn với bà Bé B1. Về con chung: Các con chung đã thành niên, đương sự không yêu cầu giải quyết nên không xem xét. Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Ông B phải chịu 300.000đ (ba trăm ngàn đồng).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, sau khi nghe ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Đức, Tòa án nhận định như sau:

Về tố tụng: Ông B khởi kiện yêu cầu ly hôn với bà B2 Ba nên xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là tranh chấp về ly hôn; bị đơn cư trú tại huyện C, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Đức, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. Tại phiên tòa, nguyên đơn vắng mặt, có yêu cầu giải quyết vắng mặt; bị đơn được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt nên căn cứ vào các điều 28, 35, 39 và Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án là đúng quy định pháp luật.

Về nội dung vụ án:

.1 Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ lời khai của ông B, Giấy chứng nhận kết hôn số 12 ngày 11/5/2001 do Ủy ban nhân dân xã T, thành phố M, tỉnh Tiền Giang cấp và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã có đủ cơ sở để xác định: Ông B và bà Bé B1 tự nguyện chung sống, có đăng ký kết hôn nên quan hệ hôn nhân giữa các bên là hợp pháp. Về tình trạng hôn nhân: Lời khai của ông B trong quá trình tố tụng phù hợp với kết quả xác minh tại địa phương về mâu thuẫn vợ chồng. Xét thấy, ông B và bà Bé B1 đã sống ly thân trong thời gian dài, không còn quan tâm đến nhau, hơn nữa trong thời gian giải quyết vụ án, bà Bé B1 đều không có biện pháp gì để vợ chồng đoàn tụ còn ông B thì kiên quyết giữ nguyên yêu cầu ly hôn. Do vậy, Hội đồng xét xử xác định mâu thuẫn giữa vợ chồng ông B, bà Bé B1 là có thật và đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, áp dụng Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình, cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông B đối với bà Bé B1.

.2 Về con chung: Căn cứ các bản sao giấy khai sinh của anh Nguyễn Nhật L và chị Nguyễn Thúy Q, có cơ sở để xác định: Ông B và bà Bé B1 có hai con chung là anh Nguyễn Nhật L, sinh năm 2002 và chị Nguyễn Thúy Q, sinh năm 2005, đều đã thành niên và ông B, bà Bé B1 đều không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[2.3 Về tài sản chung, nợ chung: Ông B, bà B2 Ba không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Căn cứ điểm a, Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án, buộc ông B phải chịu 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 1, Điều 28; Điều 35; Điều 39; Điều 227 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Các Điều 51, 56 và Điều 57 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án,

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện “Tranh chấp về ly hôn” của ông Nguyễn Tấn B đối với bà Phùng Thị Bé B1.

Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Tấn B được ly hôn với bà Phùng Thị Bé B1.

Về con chung: Không xem xét.

Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét.

2. Về án phí: Ông Nguyễn Tấn B chịu 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 1624 ngày 13 tháng 11 năm 2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Đức, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu. Ông Nguyễn Tấn B đã nộp xong án phí.

3. Trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết, nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu xét xử phúc thẩm./.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- TAND tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu;
- VKSND huyện Châu Đức;
- Chi cục THADS huyện Châu Đức;
- Nơi ĐKKH: UBND xã Tân Long, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang.
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Bùi Thị Huyền